

QUY ĐỊNH

về cơ chế, chính sách thu hút đầu tư và phát triển

Khu Công nghệ cao công nghệ sinh học Đồng Nai

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định cơ chế, chính sách, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư dự án phù hợp với chức năng của Khu Công nghệ cao công nghệ sinh học Đồng Nai (gọi chung là Khu Công nghệ cao).

2. Đối tượng áp dụng: các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có cơ sở thực hiện hoạt động công nghệ cao (gọi chung là nhà đầu tư) tại Khu Công nghệ cao; Ban Quản lý Khu Công nghệ cao công nghệ sinh học Đồng Nai (gọi chung là Ban Quản lý); các sở, ban, ngành có liên quan đến việc đầu tư thực hiện hoạt động ứng dụng công nghệ cao để sản xuất ra các sản phẩm công nghệ sinh học có năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng cao.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Dự án phù hợp với chức năng của Khu Công nghệ cao công nghệ sinh học tỉnh Đồng Nai là các dự án có mục tiêu, tính chất, cơ cấu chức năng phù hợp với các quy định tại Điều 1 của Quyết định số 865/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 24 tháng 5 năm 2016 về việc thành lập Khu Công nghệ cao công nghệ sinh học Đồng Nai.

Cơ sở thực hiện hoạt động công nghệ cao là dự án, công trình do tổ chức, cá nhân đầu tư tại Khu Công nghệ cao công nghệ sinh học Đồng Nai để thực hiện các hoạt động nghiên cứu, ươm tạo, phát triển, chuyển giao, ứng dụng công nghệ cao trong lĩnh vực công nghệ sinh học; đào tạo nhân lực công nghệ cao trong lĩnh vực công nghệ sinh học; ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao trong lĩnh vực công nghệ sinh học; sản xuất và kinh doanh sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ công nghệ cao trong lĩnh vực công nghệ sinh học.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư được đảm bảo các quyền cơ bản: quyền tự chủ đầu tư, sản xuất, kinh doanh; quyền tiếp cận và sử dụng nguồn vốn tín dụng, đất đai, tài nguyên; quyền thuê, sử dụng lao động, thành lập và hoạt động của tổ chức công

đoàn; quyền xuất khẩu, nhập khẩu, quảng cáo, tiếp thị, gia công và gia công lại liên quan đến hoạt động đầu tư; quyền mua, bán hàng hóa với thị trường nội địa; quyền mua ngoại tệ; quyền tiếp cận quỹ đất, thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; quyền tiếp cận, sử dụng các dịch vụ và tiện ích công cộng; quyền tiếp cận các văn bản quy phạm pháp luật, các chính sách chung của Nhà nước, của địa phương liên quan đến hoạt động đầu tư và các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Nhà đầu tư có nghĩa vụ tuân thủ theo các quy định của pháp luật về đầu tư theo đúng nội dung và văn bản đăng ký đầu tư, nội dung quy định tại giấy chứng nhận đầu tư; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính, quy định về kế toán, kiểm toán và thống kê; thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về bảo hiểm, lao động; tôn trọng danh dự, nhân phẩm, quyền lợi, lợi ích hợp pháp của người lao động; tạo điều kiện thuận lợi để người lao động thành lập, tham gia các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội theo quy định của pháp luật.

3. Nhà đầu tư tự chịu trách nhiệm: về tính chính xác, trung thực của nội dung văn bản đăng ký đầu tư, hồ sơ dự án đầu tư và tính hợp pháp của các văn bản trong hồ sơ dự án đầu tư; báo cáo về hoạt động đầu tư theo quy định hiện hành, đồng thời tự chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung báo cáo; có trách nhiệm cung cấp các văn bản, tài liệu thông tin liên quan đến nội dung kiểm tra, thanh tra và các giám sát hoạt động đầu tư cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Tiêu chuẩn đánh giá và lựa chọn nhà đầu tư

Nhà đầu tư dự án vào Khu Công nghệ cao phải đáp ứng các nội dung về tiêu chuẩn hoạt động công nghệ cao như sau:

1. Dự án hoạt động đúng mục tiêu, hoạt động theo Quyết định số 865/QĐ-TTg ngày 24 tháng 5 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Khu Công nghệ cao công nghệ sinh học Đồng Nai.

2. Công nghệ hoặc sản phẩm của dự án phải có trong Danh mục công nghệ cao được ưu tiên phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển ban hành kèm theo Quyết định số 66/2014/QĐ-TTg ngày 25 tháng 11 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Áp dụng các biện pháp thân thiện môi trường, tiết kiệm năng lượng trong sản xuất và quản lý chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam; trường hợp chưa có tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam thì áp dụng tiêu chuẩn của tổ chức quốc tế chuyên ngành.

4. Tổng chi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển được thực hiện tại Việt Nam trên tổng doanh thu thuần hàng năm đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ phải đạt ít nhất 1%. Đối với các doanh nghiệp có tổng nguồn vốn trên 100 tỷ đồng và tổng số lao động trên 300 người tỷ lệ này phải đạt ít nhất 0,5%.

5. Số lượng lao động có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên trực tiếp thực hiện nghiên cứu và phát triển trên tổng số lao động của doanh nghiệp đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ phải đạt ít nhất 5%. Đối với các doanh nghiệp có tổng nguồn vốn trên 100 tỷ đồng và tổng số lao động trên 300 người tỷ lệ này phải đạt ít nhất 2,5% nhưng không thấp hơn 15 người.

6. Nhà đầu tư khi tham gia đầu tư cam kết thực hiện đủ và đúng các hồ sơ, quy trình về đầu tư, xây dựng, môi trường và các thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật.

Chương II

CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 5. Ưu đãi về đất đai

Nhà đầu tư vào Khu Công nghệ cao được thuê đất và hưởng các ưu đãi và miễn, giảm tiền thuê đất theo Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trong khu kinh tế, khu công nghệ cao, cụ thể như sau:

1. Nguyên tắc miễn, giảm tiền thuê đất trong Khu công nghệ cao được thực hiện theo quy định như sau:

a) Việc miễn, giảm tiền thuê đất được thực hiện theo từng dự án đầu tư gắn với việc cho thuê đất mới.

b) Tổ chức, cá nhân thuê đất trong Khu công nghệ cao chỉ được hưởng ưu đãi miễn, giảm tiền thuê đất sau khi làm các thủ tục để được miễn, giảm theo quy định.

c) Trường hợp được Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm và đang trong thời gian được hưởng ưu đãi về miễn, giảm nếu thực hiện chuyển nhượng dự án hoặc chuyển nhượng tài sản thuộc sở hữu của mình trên đất gắn liền với đất thuê theo quy định của pháp luật và người nhận chuyển nhượng hoặc người mua tài sản trên đất tiếp tục được Nhà nước cho thuê đất cho thời gian thuê đất còn lại với mục đích sử dụng đất theo đúng mục đích khi nhận chuyển nhượng thì việc miễn, giảm tiền thuê đất được thực hiện như sau:

- Người chuyển nhượng không được tính số tiền thuê đất đã được miễn, giảm vào giá chuyển nhượng.

- Người nhận chuyển nhượng tiếp tục được miễn, giảm tiền thuê đất cho thời gian ưu đãi còn lại.

Trường hợp sau khi nhận chuyển nhượng, người nhận chuyển nhượng không tiếp tục sử dụng theo đúng mục đích khi nhận chuyển nhượng và chuyển sang sử dụng vào mục đích khác thì phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định cho thuê đất trong Khu công nghệ cao.

d) Trường hợp người thuê đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước theo quy định tại Quyết định này nhưng trong quá trình quản lý, sử dụng đất không đáp ứng các điều kiện để được miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước có nguyên nhân từ phía người thuê đất hoặc sử dụng đất không đúng mục đích đã được ghi tại quyết định cho thuê đất, hợp đồng thuê đất nhưng không thuộc trường hợp bị thu hồi đất theo quy định của pháp luật đất đai thì phải thực hiện hoàn trả ngân sách nhà nước số tiền thuê đất, thuê mặt nước đã được miễn, giảm và cộng thêm khoản tiền tương đương với mức thu tiền chậm nộp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế tính trên số tiền thuê đất, thuê mặt nước được miễn, giảm.

2. Miễn toàn bộ tiền thuê đất cho cả thời hạn thuê trong các trường hợp sau:

a) Đất xây dựng công trình giao thông và hạ tầng kỹ thuật, đất cây xanh, đất có mặt nước, công viên sử dụng công cộng theo quy hoạch chung và quy hoạch phân khu được phê duyệt.

b) Đất xây dựng công trình sự nghiệp của các tổ chức sự nghiệp công lập.

c) Đất xây dựng cơ sở đào tạo nhân lực công nghệ cao theo quy định của pháp luật về công nghệ cao.

d) Đất thực hiện dự án nhà ở cho chuyên gia, người lao động thuê khi làm việc tại Khu công nghệ cao theo quy hoạch được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

đ) Dự án thuộc Danh mục lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư (trừ dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghệ cao).

3. Mức ưu đãi miễn, giảm tiền thuê đất đối với không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này cụ thể như sau:

a) Miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản nhưng tối đa không quá 03 năm kể từ ngày có quyết định cho thuê đất (không bao gồm các trường hợp đầu tư xây dựng cải tạo và mở rộng cơ sở sản xuất, kinh doanh).

b) Miễn tiền thuê đất sau thời gian miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản:

- 15 năm đối với dự án đầu tư không thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư đầu tư; dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghệ cao.

- 19 năm đối với dự án thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư.

c) Trường hợp tổ chức, cá nhân thuê đất sản xuất kinh doanh tạm ngừng dự án đầu tư do bất khả kháng thì được miễn tiền thuê đất trong thời gian tạm ngừng hoạt động.

Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư, danh mục lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư.

4. Trường hợp người sử dụng đất thuê đất trong Khu công nghệ cao để thực hiện các dự án xã hội hóa thuộc lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường thì áp dụng mức ưu đãi miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.

Điều 6. Ưu đãi về thuế

Nhà đầu tư được hưởng ưu đãi về thuế theo Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp:

1. Ưu đãi về thuế suất

a) Thuế suất 10% trong thời hạn 15 năm áp dụng đối với thu nhập của doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư mới trong Khu công nghệ cao.

b) Đối với các dự án đầu tư mới vào Khu công nghệ cao có quy mô vốn từ 3.000 tỷ đồng trở lên được áp dụng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn 30 năm.

c) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua đối với người lao động làm việc tại các doanh nghiệp trong Khu công nghệ cao được áp dụng thuế suất ưu đãi 10% như đối tượng người lao động đang làm việc trong và ngoài khu công nghiệp theo khoản 5 Điều 49 Luật nhà ở.

2. Ưu đãi về miễn, giảm thuế

a) Miễn thuế 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo đối với thu nhập của doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư mới trong Khu công nghệ cao.

b) Các trường hợp miễn, giảm thuế khác được thực hiện theo các quy định tại Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản có liên quan.

Điều 7. Ưu đãi về thuế nhập khẩu

1. Miễn thuế đối với hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định của dự án trong Khu công nghệ cao, bao gồm:

a) Máy móc, thiết bị; linh kiện, chi tiết, bộ phận rời, phụ tùng để lắp ráp đồng bộ hoặc sử dụng đồng bộ với máy móc, thiết bị; nguyên liệu, vật tư dùng để chế tạo máy móc, thiết bị hoặc để chế tạo linh kiện, chi tiết, bộ phận rời, phụ tùng của máy móc, thiết bị;

b) Phương tiện vận tải chuyên dùng trong dây chuyền công nghệ sử dụng trực tiếp cho hoạt động sản xuất của dự án;

c) Vật tư xây dựng trong nước chưa sản xuất được.

Việc miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu quy định tại khoản này được áp dụng cho cả dự án đầu tư mới và dự án đầu tư mở rộng.

2. Miễn thuế nhập khẩu trong thời hạn 05 năm kể từ khi bắt đầu sản xuất đối với nguyên liệu, vật tư, linh kiện trong nước chưa sản xuất được nhập khẩu để sản xuất của các dự án đầu tư vào Khu công nghệ cao.

3. Miễn thuế nhập khẩu đối với máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư chuyên dùng trong nước chưa sản xuất được, tài liệu, sách báo khoa học chuyên dùng sử dụng trực tiếp cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, đổi mới công nghệ trong Khu công nghệ cao.

Điều 8. Hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng

Nhà nước đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng thiết yếu trong Khu Công nghệ cao công nghệ sinh học tỉnh Đồng Nai.

Nhà đầu tư nộp phí xử lý nước thải, phí duy tu, bảo dưỡng hạ tầng theo Quy định của cơ quan có thẩm quyền. Tuân thủ các quy chuẩn về môi trường trong lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 9. Hỗ trợ nhà đầu tư chuyển giao công nghệ

Nhà đầu tư vào Khu Công nghệ cao thực hiện chuyển giao công nghệ đối với các lĩnh vực nằm trong danh mục được khuyến khích chuyển giao công nghệ được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ theo Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19 tháng 6 năm 2017.

Điều 10. Hỗ trợ chính sách ưu đãi khác

Nhà đầu tư đủ điều kiện được hưởng các chính sách ưu đãi khác hoặc dự án thuộc nhóm ngành nghề đặc biệt ưu đãi hoặc ưu đãi theo quy định thì được Ban Quản lý tạo điều kiện, hướng dẫn thủ tục hưởng ưu đãi.

Điều 11. Hỗ trợ về giao thông

Hỗ trợ nhà đầu tư, cán bộ, nhân viên, người lao động làm việc tại Khu Công nghệ cao thông qua việc thiết lập thêm các tuyến xe buýt xuất phát từ Thành phố Biên Hòa và Thành phố Long Khánh đến địa điểm làm việc.

Điều 12. Các hỗ trợ khác

Ban Quản lý là đầu mối hướng dẫn nhà đầu tư về quy trình, thủ tục đầu tư; cung cấp các loại dịch vụ công cho nhà đầu tư, thực hiện các thủ tục hành chính về quy hoạch, đầu tư xây dựng, đất đai, môi trường, lao động.

Hỗ trợ, cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu về quy hoạch xây dựng Khu Công nghệ cao cũng như dự án liên quan cho nhà đầu tư.

Hỗ trợ, cung cấp các dịch vụ quảng bá hình ảnh nhà đầu tư trên Trang thông tin điện tử của Ban Quản lý.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước

1. Ban Quản lý Khu Công nghệ cao

Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành triển khai thực hiện quy định này; phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn nhà đầu tư áp dụng các quy định theo quyết định này và các quy định pháp luật liên quan.

Phối hợp các sở, ban, ngành liên quan xét duyệt các điều kiện ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đối với các dự án theo quy định này các quy định khác của pháp luật có liên quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện cơ chế, chính sách để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo yêu cầu. Đồng thời, nghiên cứu, tham mưu Ủy ban nhân dân điều chỉnh, bổ sung khi cần thiết, đáp ứng tình hình thực tế.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

Quản lý, hướng dẫn việc thành lập và xin chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao theo quy định của pháp luật. Hướng dẫn các nhà đầu tư trong hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ; xây dựng và tổ chức thực hiện các giải pháp hỗ trợ đổi mới công nghệ.

Hướng dẫn, quản lý hoạt động chuyển giao công nghệ ở Khu Công nghệ cao bao gồm: chuyển giao công nghệ, đánh giá, định giá, giám định công nghệ, môi giới và tư vấn chuyển giao công nghệ, các dịch vụ chuyển giao công nghệ khác theo quy định; thẩm định cơ sở khoa học và thẩm định công nghệ các dự án đầu tư.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Cân đối, bố trí nguồn vốn ngân sách để thực hiện san lấp mặt bằng, xây dựng dự án hạ tầng thiết yếu nhằm hỗ trợ hoạt động của nhà đầu tư.

Điều phối, quản lý và hướng dẫn các chương trình vay vốn trong tỉnh đối với các dự án đầu tư ở Khu Công nghệ cao.

4. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư bố trí nguồn kinh phí các dự án thuộc trách nhiệm của ngân sách nhà nước kịp thời, có hiệu quả đảm bảo tiến độ của dự án.

Phối hợp Ban Quản lý để tính tiền thuê đất, tiền sử dụng đất đối với dự án theo quy định.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường

Tiếp nhận, hướng dẫn nhà đầu tư giải quyết theo quy định các thủ tục về đất đai, môi trường cho chủ đầu tư thực hiện dự án vào Khu Công nghệ cao.

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm để thực hiện công tác thu hồi đất, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, giao đất, chi thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất.

6. Sở Xây dựng

Phối hợp với Ban Quản lý và các đơn vị có liên quan thẩm định chi tiết xây dựng, quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất để xác định loại công trình, dự án được hưởng ưu đãi, hỗ trợ theo quy định này và các quy định của pháp luật về xây dựng.

7. Sở Giao thông vận tải

Phối hợp Ban Quản lý thành lập các tuyến xe buýt xuất phát từ Thành phố Biên Hòa và Thành phố Long Khánh đến Khu công nghệ cao.

8. Cục Thuế

Phối hợp Ban Quản lý phổ biến, hướng dẫn thực hiện các ưu đãi theo quy định này và các quy định khác của pháp luật về thuế.

Xác định nghĩa vụ tài chính theo thẩm quyền đối với các dự án đầu tư của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật.

9. Ủy ban nhân dân các huyện Cẩm Mỹ

Phối hợp với Ban Quản lý, các cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh phổ biến quy định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan cho các đối tượng được hưởng chính ưu đãi đầu tư thuộc địa bàn.

Tạo điều kiện cho nhà đầu tư triển khai đầu tư xây dựng và thực hiện các hạng mục đầu tư khác trong Khu Công nghệ cao thuộc phạm vi quản lý về địa giới hành chính.

Điều 14. Trách nhiệm của nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức triển khai dự án đúng tiến độ đã cam kết. Sau 12 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư, nếu dự án chưa triển khai thực hiện mà không có lý do chính đáng sẽ bị thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. Nhà đầu tư thuộc diện được hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ theo quy định này, chịu trách nhiệm đảm bảo đúng, đầy đủ các hồ sơ, chứng từ thanh quyết toán theo quy định.

3. Nhà đầu tư nhận giao đất theo hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất có quyền:

a) Chuyển nhượng quyền sử dụng đất và công trình kiến trúc, kết cấu hạ tầng đã được xây dựng gắn liền với đất sau khi được sự chấp thuận của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao công nghệ sinh học Đồng Nai;

b) Cho thuê quyền sử dụng đất và công trình kiến trúc, kết cấu hạ tầng đã được xây dựng gắn liền với đất sau khi được sự chấp thuận của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao;

c) Thế chấp, bảo lãnh bằng quyền sử dụng đất và tài sản thuộc sở hữu của mình gắn liền với đất tại tổ chức tín dụng được phép hoạt động tại Việt Nam để vay vốn theo quy định của pháp luật;

d) Góp vốn bằng quyền sử dụng đất và tài sản thuộc sở hữu của mình gắn liền với đất để hợp tác sản xuất, kinh doanh với tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài theo quy định của pháp luật;

e) Trường hợp nhà đầu tư được hưởng miễn, giảm tiền sử dụng đất được cấp có thẩm quyền cho phép chuyển nhượng dự án cho người khác theo quy định của pháp luật thì nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án tiếp tục được miễn, giảm tiền sử dụng đất theo thời gian còn lại của dự án trước đó nếu việc sử dụng đất sau khi chuyển nhượng thuộc dự án được ưu đãi về sử dụng đất.

4. Nhà đầu tư nhận giao đất theo hình thức giao đất không thu tiền sử dụng đất được quyền bán, cho thuê, thế chấp, bảo lãnh, góp vốn đối với tài sản đã đầu tư trên đất nhưng không được chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thế chấp, bảo lãnh, góp vốn đối với Quyền sử dụng đất. Nhà đầu tư mua lại tài sản trên đất để tiếp tục triển khai dự án thì tiếp tục được giao đất với các quyền và nghĩa vụ như nhà đầu tư trước đó.

Điều 15. Điều khoản thi hành

1. Các dự án đã đầu tư triển khai thực hiện trước Quy định này có hiệu lực thi hành đang được hưởng ưu đãi, hỗ trợ thì tiếp tục được hưởng chính sách ưu đãi, hỗ trợ đã cấp hoặc có thể đề nghị được hưởng ưu đãi, hỗ trợ theo quy định này cho thời gian còn lại của dự án. Trường hợp các ưu đãi, hỗ trợ được điều chỉnh, bổ sung theo các văn bản quy phạm pháp luật thì áp dụng theo quy định mới nhất.

2. Các dự án đã vi phạm các chính sách ưu đãi, hỗ trợ theo Quy định này thì phải hoàn trả lại phần kinh phí đã được hỗ trợ.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thực hiện đúng Quy định này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc kịp thời phản ánh về Ban Quản lý Khu Công nghệ cao công nghệ sinh học Đồng Nai để kịp thời tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

